

Thánh Kinh Thần Học

(www.thanhkinhthanhoc.net)

Đường về Thế Giới Đạo: Thần học "Con Mắt Thứ Ba"

Lê Anh Huy

Vì sẽ có một thời kia, người ta không chịu nghe đạo lành; nhưng vì họ ham nghe những lời êm tai, theo tư dục mà nhóm họp các giáo sư xung quanh mình, bịt tai không nghe lẽ thật, mà xây hướng về chuyện huyền. (II Ti-mô-thê 4:3-4)



1- Dẫn nhập:

Thư tin tức Phục Vụ của Viện Thần Học Tin Lành Việt Nam có đăng bài của Mục sư Lê Thiện Dũng có tựa là "C. S. Song & Thần Học Hội Nhập." Lê Thiện Dũng viết bài mình để giới thiệu một cuốn sách thần học của Choan-Seng Song có tựa là Third Eye Theology (TET). Thần học gia C. S. Song là người Đài Loan, là một mục sư trong giáo phái Trưởng Lão và cũng là giáo sư thỉnh giảng tại đại học Princeton và Harvard. Các sách ông viết là Third Eye Theology, Christian Mission in Reconstruction, The Compassionate God, Jesus and the Reign of God. Cuốn Third Eye Theology được xuất bản vào năm 1979 và tái bản có sửa chữa vào năm 1990. Lần xuất bản, sách được tổ chức World Council of Churches bảo trợ tài chánh [1]. Sau này chúng tôi có dịp nói về tổ chức tôn giáo có tính quốc tế này. Lần tái bản có hiệu đính, sách được xuất bản bởi The Catholic Foreign Mission Society of America (Maryknoll) qua nhà phát hành Orbis.

Third Eye Theology dài gần 300 trang, được sắp xếp trong 12 chương chính. Sách được Lê Thiện Dũng giới thiệu trong gần hai trang báo khổ 8 x 11. Bài giới thiệu sách khó theo dõi vì không có trích dẫn; đọc giả khó phân biệt ý nào của Song, ý nào của Lê, ý nào của người thứ ba. Do đó, chúng tôi phải tìm tới nguồn chính để đọc. Sách bàn tới nhiều vấn đề; mỗi câu, mỗi đoạn đều đáng được phân tích, mổ xẻ và phản bác. Điều này cần rất nhiều công phu và thời gian nhưng không cần thiết cho nên chúng tôi chỉ bàn tới hai điều mà thôi: 1- Khái quát về thần học con mắt thứ ba, và 2- Quan điểm của Song về sự đau khổ (chương 5). Đây là chương sách chúng tôi chú ý đặc biệt, vì nó bàn tới sự chết cứu chuộc của Đức Chúa Jesus, sự đau khổ của nhân loại, Phật giáo là tôn giáo lớn nhất của Việt Nam và lịch sử chính trị cận đại của Việt Nam.

2- Tóm lược về "thần học con mắt thứ ba":

Khái niệm về "con mắt thứ ba" được Song nhập cảng từ Thiên [2]. Ông trích dẫn lời của Thiên sư người Nhật Daisetz Suzuki rằng Thiên muốn chúng ta mở "con mắt thứ ba" để thấy được những gì che dấu từ trước đến nay trong tôn giáo vì sự u muội của chúng ta: "*Khi đám mây của sự u muội biến mất rồi thì sự vô hạn của các tầng trời biểu lộ ra; khi đó lần đầu tiên chúng ta thấy được bản chất của chính sự hiện hữu của chúng ta*" [3]. Theo Song, thần học mà chúng ta biết lâu nay là thần học của con mắt thứ nhất và thứ hai. Song gọi đó là thần học "phẳng," không có khả năng nhìn vào bản chất của sự việc. Song cho rằng thần học phẳng trải dài 2,000 năm của lịch sử hội thánh, "*đậm màu của suy nghĩ và kiểu sống của Tây Phương*" [3]. Ông không cho biết cụ thể như thế nào là thần học của Tây phương. Đối với ông, thần học Tây phương không hiệu lực trong bối cảnh Á châu, nên thần học gia Á châu cần phải sáng tạo ra một thần học mới. Trong nỗ lực "sáng tạo" đó,

Song đã vay mượn khái niệm về "con mắt thứ ba" của Phật giáo (mà Phật Giáo thì vay mượn khái niệm "con mắt thứ ba" từ Ấn giáo) để hình thành "thần học con mắt thứ ba."

Để minh họa điều mà Song cho là phù phiếm của "thần học phẳng," ông kể câu chuyện của một Thiền sư người Trung Hoa sống vào thế kỷ thứ chín, I-shuan. Trong câu chuyện này I-shuan giảng cho các đệ tử rằng: "*Nếu một người bám chặt vào gia sản của mình trong khi giải thích sự hiểu biết căn bản về sự cứu rỗi, người đó thật sự chẳng có gì để nói và sẽ không có cái gì làm nền tảng.*" Khi nghe giảng như vậy một thiền tu sĩ hỏi lại: "*Sư phụ, ngài đang hát nhạc của ai? Ngài đang cổ xúy truyền thống của ai?*" Khi nghe câu hỏi đó, I-shuan mắng: "*đừng đóng cọc vào khoảng không*" [4]. Câu trả lời này có nghĩa rằng tâm trí của Thiền sư I-shuan đã đi xa hơn những nơi đã được các thiền giả trước ông khám phá. Sự hiểu biết của các thiền giả trước I-shuan lập thành một truyền thống. I-shuan đã vượt quá truyền thống này, sáng tạo cho mình một lãnh vực mới chứa đựng những hiểu biết mới và sâu nhiệm. Hỏi rằng I-shuan hát bài của ai và cổ xúy cho truyền thống nào là không nhận biết được điều này. Khi thiền tu sĩ hỏi câu hỏi đó, I-shuan chỉ có trả lời rằng "*đừng đóng cọc vào khoảng không*" để nói lên sự phù phiếm của câu hỏi. Chính I-shuan cũng đã hỏi sư phụ mình là Huang-po câu này ba lần và cả ba lần ông đều bị sư phụ đánh!

Song cho rằng chính Sứ đồ Phao-lô cũng có "*khả năng giống Thiên,*" khi ông viết cho tín đồ Cô-rinh-tô: "*Vậy thì, tôi chạy, chẳng phải là chạy bá vợ; tôi đánh, chẳng phải là đánh gió*" (I Cô-rinh-tô 9:36)! Như vậy theo Song, cả Đông (Thiên) lẫn Tây (Kinh thánh), thế kỷ 1 (Phao-lô) và thế kỷ 9 (I-shuan) gặp nhau tại chân lý "*đánh gió*" này [5]. Song cho rằng từ trước đến nay thần học của chúng ta không được sự khôn ngoan này ảnh hưởng. Theo Song, "*chúng ta*" không hơn gì người tu sĩ thiên kia [6]. Chúng ta cứ tiếp tục "*đánh gió*" vì chúng ta cứ tiếp tục lẻo đẻo đi sau các thầy thần học Tây phương để cổ xúy cho những điều mà họ đã khám phá. Ông cho rằng nếu Thiền sư I-shuan sống lại thì chúng ta sẽ bị "*những cú đánh bằng gậy không thương xót của I-shuan*"! [6]

Theo Song, thần học từ Tây phương nhập vào Á châu bị sức kháng cự mãnh liệt vì hoàn cảnh của Á châu có khác. Á châu là vùng đông dân, có một nền văn hoá lâu đời, có nhiều truyện cổ tích, thần thoại, truyền kỳ. Á châu bao gồm những nước nghèo đói, lạc hậu bị áp bức. Do đó, thần học Tây phương có vẻ như xa lạ với các dân tộc Á châu. Để giải quyết vấn đề này, Song cho rằng thần học Cơ Đốc phải có khả năng tiếp xúc với văn hoá của Á châu, mà ông gọi là *các nguồn thần học bẩm sinh*^b. Nói cho dễ hiểu, các *nguồn thần học bẩm sinh* nằm trong xã hội, chính trị, lịch sử, tôn giáo, văn hoá của một dân tộc [7] vì sau này chúng ta sẽ hiểu, theo Song, trong các nguồn này có chân lý của Đức Chúa Trời. Thần học, theo Song, phải bắt đầu từ thực tế của văn hoá chứ không phải bắt đầu trên sự trừu tượng của thần học [8].

Theo tác giả, thần học mang tính chủng tộc. Ông phát biểu mà không có chứng minh rằng đức tin của phong trào Cải Chính mang tính chất của người Đức [3]. Do vậy, theo Song, chúng ta vẫn có thể nhìn Đấng Christ qua con mắt dân tộc (nghĩa là qua văn hoá, tôn giáo) của người Nhật, Trung Hoa, Phi Châu, Á Châu, Châu Mỹ La tin, v.v. Chỉ một Đấng Christ nhưng có thể được vẽ khác nhau bởi các họa sỹ khác nhau, có cảm nhận về Ngài khác nhau. Nếu nghệ thuật đã như vậy, thì thần học cũng như vậy, theo Song. Nhìn sự việc sâu hơn bề mặt, rộng hơn bề ngang, dài hơn chiều dài là điều mà Song gọi là thần học của con mắt thứ ba. Thiếu con mắt thứ ba thần học Cơ Đốc sẽ bị thành kiến, thiếu hoàn chỉnh, và nghèo nàn [9].

3- Thập giá và hoa sen:

Thần học của con mắt thứ ba "nhìn xuyên suốt" hơn thần học phẳng như thế nào?

Muốn chứng minh rằng "con mắt thứ ba" có thể thấy được chân lý trong các văn hoá mà thần học phẳng không thấy được, Song phải chứng minh rằng Đức Chúa Trời mạc khải chân lý cứu chuộc trong các văn hoá và các mạc khải này ngang hàng với mạc khải Thánh Kinh.

Song công nhận rằng sự thờ hình tượng và lễ nghĩa trong văn hoá ngoại Cơ Đốc một phần che đậy chân lý của Đức Chúa Trời [10]. Nhưng cũng có những chân lý mà Đức Chúa Trời mạc khải ngay trong một xã hội chưa được Cơ Đốc hoá. Ông gọi đây là những *thời cứu chuộc* và *sự cố cứu chuộc* [10]. Một thí dụ Song trưng ra là sự tự thiêu của các tu sĩ Phật giáo chống chính quyền Ngô Đình Diệm trong các cuộc đấu tranh Phật giáo tại Việt Nam. Căn cứ vào lời giải thích của Thiền sư Thích Nhất Hạnh về mục đích của các vụ tự thiêu, Song cho rằng đó là một biểu hiện đau đớn của một *yếu tố cứu chuộc* chống lại sự vô nhân bản [11]. Ông nói tiếp rằng sự tự thiêu đó *"tham dự vào quyền năng cứu chuộc của Đức Chúa Trời tại Việt Nam"* [12]. Nó cũng là một phần tình yêu của Đức Chúa Trời mà theo Song, được Sứ đồ Giăng nhắc tới trong phúc âm: *"Chẳng có sự yêu thương nào lớn hơn là vì bạn hữu mà phó sự sống mình"* (Giăng 15:13). Song viết: *"Sự yêu thương vĩ đại này chỉ có thể đến từ Đức Chúa Trời và được làm cho khả dĩ qua Đức Chúa Trời. Người tu sĩ thực hành sự yêu thương này phải là người gần gũi tấm lòng của Đức Chúa Trời"* [12].

Tại sao lại có vấn đề "Thập giá và hoa sen"? Song tin rằng thập giá (tượng trưng cho Cơ Đốc giáo) và hoa sen (tượng trưng cho Phật giáo) cùng chung một vai trò. Đó là đi vào đau khổ của nhân loại để giải thoát nhân loại ra khỏi đau khổ. Lê Thiện Dũng trong Phục Vụ lập lại lời của Song: *"...hình ảnh hoa sen và thập tự giá là hai biểu tượng nói đến sự giải thoát con người đau khổ. Tình trạng khốn khổ bởi nghèo đói, áp bức, tội lỗi, và cái chết của con người chính là chỗ mà hoa sen và thập tự giá gặp nhau"* [13]. Thật ra, Song cho rằng thập giá và hoa sen mang vai trò giống nhau là giải thoát nhân loại ra khỏi đau khổ, nhưng ông không dám tin rằng loài người hay chết lại có quyền phán xét là chúng có gặp nhau tại *"ngôi vinh quang và cứu rỗi của Đức Chúa Trời"* hay chẳng [14].

Nhưng, thập giá và hoa sen có thật sự bắt đầu từ đau khổ? Chắc chắn hoa sen [15] bắt đầu từ đau khổ. Theo truyền thuyết, Thái tử Tất Đạt Đa khi 16 tuổi đi dạo trong thành, lần đầu tiên chứng kiến những cảnh sinh, lão, bệnh, tử, tức là những hình thức đau khổ của con người. Sau đó ông bỏ gia đình đi tìm "chân lý." Chân lý giải thoát của ông chính là vô ngã. Đó là sự "giác ngộ" rằng sự hiện hữu của chính mình chỉ là ảo giác [16]. Ảo giác về sự hiện hữu gây nên đau khổ. Khi một người đã ngộ vô ngã rồi thì nhập niết bàn. Khi đó nghiệp lực tắt, vòng luân hồi ngừng quay. Hình ảnh Phật tổ ngồi mỉm cười "bình an" trên chiếc hoa sen mang sắc thái thiền: những vô thường quay quần chung quanh chỉ là ảo giác, trong khi trạng thái của người "giác ngộ" đã là "vô ngã." Như vậy, lối giải quyết đau khổ của Phật giáo là từ khước hiện thực. **Hoa sen, vì thế không hề đi vào đau khổ của nhân loại để giải thoát nhân loại, mà chỉ là cái đích vô thực mà nhân loại phải nhắm tới.**

Trong khi đó, Thánh Kinh cho biết đau khổ là hậu quả của việc loài người không vâng phục Đức Chúa Trời. Thánh Kinh gọi đó tội lỗi. Hậu quả của tội lỗi là đau khổ và sự chết. Vì yêu thương nhân loại mà Đức Chúa Trời ban ơn tha thứ, nhưng để duy trì thuộc tính công chính, Đức Chúa Trời phải giáng hình phạt tội lỗi trên Đức Chúa Jesus Christ, là Đức Chúa Trời Ngôi Hai đã nhập thể làm người, trên thập giá. Đấng vô hạn chết thay cho toàn thể nhân loại hữu hạn! Sự chết cứu chuộc của Đấng Christ là một hiện thực. Hiện thực này giải quyết tội lỗi, cũng là một hiện thực. **Thập giá vì thế là biểu tượng cho tình yêu và sự công chính của Đức Chúa Trời và là phương cách duy nhất để giải thoát nhân loại ra khỏi sự chết.** Ý nghĩa của thập tự vì thế khác xa với ý nghĩa của hoa sen trên mọi phương diện.

Do vậy, chúng ta thấy "thần học con mắt thứ ba" trong khi khoác lác cho rằng mình thấy được cốt lõi vấn đề, tức "thấy được" mạc khải cứu rỗi của Đức Chúa Trời qua các tôn giáo, thật ra, đã bị Satan che mắt, dẫn vào đường sai lầm. Đối với Song, Thánh Kinh không đủ để cho nhân loại nhìn biết sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Vì vậy, thần học gia cần phải nương cậy vào các sản phẩm của tôn giáo, triết học, thậm chí các truyền thuyết dân gian mới có thể nhận thức được sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại. Vì bị "vây cá" thuộc linh, "con mắt thứ ba" mới quờ quạng đi tìm chân lý của Đức Chúa Trời trong đấu tranh Phật giáo. Trước hết, biển cố đau thương và tủi nhục này có dấu vết lông lá của bàn tay chính trị [17]. Tại sao nước Việt Nam đau khổ cả bốn ngàn năm rồi nhưng phải đợi tới triều đại của

Tổng Thống Ngô Đình Diệm, là một người Công giáo với ý chí chống cộng cao độ mới có ngọn lửa tự thiêu? Tại sao, trong triều đại của vua ngoại triều Lê Long Đình, một ông vua chẻ mía trên đầu của các nhà sư, lại không có cuộc tự thiêu nào? Nhưng cho dù ngọn lửa tự thiêu không nằm trong mưu đồ chính trị và trong suốt như sự hy sinh tính mạng của một lính chiến vì chạy ra cứu bạn mình đang bị thương, thì cũng không thể xem đó là "*tham dự vào quyền năng cứu chuộc của Đức Chúa Trời tại Việt Nam*" [12]. Tất cả những sự "*vì bạn hữu mà phó sự sống mình*" trên thế gian này, dù có cao đẹp đến đâu, không nhằm mục đích cứu rỗi con người trong khi họ đang làm người có tội. Do đó, các tu sĩ tự thiêu không thể được xem là "*tham dự vào quyền năng cứu chuộc của Đức Chúa Trời*" như Song tuyên bố. Tình yêu của Đức Chúa Trời dẫn đến sự chết cứu chuộc của Đấng Christ là giải pháp của Đức Chúa Trời để giải quyết hậu quả và án phạt của tội lỗi cho cả thế gian. Sự chết chuộc tội của Đấng Christ có quyền năng dẫn tới sự khai phóng chính trị, xã hội cho một dân tộc, phát xuất từ tấm lòng ăn năn của giới lãnh đạo khiến họ từ bỏ các đường lối trấn áp dân mình, nhưng nó không đặt chính trị, xã hội lên ưu tiên một. Đấng Christ chịu khổ hình không phải để giải quyết đau khổ nhưng để làm hoà giữa Đức Chúa Trời và loài người. Mỗi bất hoà này là nguyên nhân cho mọi đau khổ loài người phải chịu. Do vậy, trước khi nhân loại làm hoà lại với Đức Chúa Trời, đau khổ tồn tại trong thế gian với một mục đích. Đau khổ là điều không ai muốn, nhưng cần thiết cho loài người, là tạo vật có ý chí cao độ, cao đến nỗi có ý muốn lật đổ Đức Chúa Trời. Đau khổ và sự chết là điều cần thiết cho sự thử nghiệm tình yêu của loài người đối với Đức Chúa Trời.

Đau khổ và sự chết chi phối cả Cơ Đốc nhân lẫn người chưa tin Chúa, không chừa một ai. Nhưng đối với Cơ Đốc nhân, chúng ta chấp nhận đau khổ và đi xuyên qua nó với niềm xác tín rằng khi chúng ta bước chân vào cõi vĩnh cửu thì đau khổ và sự chết không còn nữa (Khải Huyền 21:4); trong khi người không tin Chúa phải "trùm chẵn" tự nhủ rằng đau khổ là ảo giác. Đó chính là niềm đau khổ lớn hơn cả sự đau khổ mà họ và chúng ta phải chịu chung trong thế gian. Đức Chúa Trời vẫn để lại đau khổ trong thế gian cho tới khi "*một trời mới, đất mới*" (Khải Huyền 21:1) được hình thành. Đau khổ trong đức tin Cơ Đốc nhân không phải là mục tiêu tối hậu phải giải quyết, mà chính là mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và người. Nếu có thể dùng đau khổ để thức tỉnh loài người, ý của Đức Chúa Trời vẫn được nên. Chúng ta biết được điều này vì bảy năm đại nạn sẽ đến với nhân loại, một thời đoạn đau khổ nhất trong lịch sử loài người.

Trên bề mặt, mặc dù bối cảnh văn hoá, lịch sử Á châu trong đó có Việt Nam có khác, nó cũng không có gì đặc biệt hơn các nơi khác trên thế giới. Trong suốt chiều dài lịch sử của nhân loại, chém giết, dành dặt, lừa đảo, gian xảo, thù hận, trấn áp, bóc lột, đối kềm, bịnh tật, dịch lệ, v.v. xảy ra mọi nơi, mọi lúc trên thế giới chứ không riêng gì Á Châu. Kinh thánh cho biết rằng sau sự Sa Ngã, toàn bộ thế giới nằm dưới sự rửa sả của Đức Chúa Trời. Từ quan hệ giữa người với người, giữa người với thiên nhiên, tất cả trở nên cay đắng. Khi con người nổi loạn chống nghịch Đức Chúa Trời thì thiên nhiên nổi loạn chống nghịch với con người, và con người chống nghịch với nhau. Trong suốt chiều dài lịch sử đau khổ triền miên trên quê hương Việt Nam, đặc biệt trong thời đấu tranh Phật giáo, không ai biết chương trình của Đức Chúa Trời dành cho đất nước Việt Nam là như thế nào. Nhưng Cơ Đốc nhân biết chắc rằng dân tộc Việt Nam, trước hết, phải làm hoà với Ngài qua sự cứu chuộc của Đức Chúa Jesus Christ. Đặt giả thiết rằng sự tự thiêu Phật giáo trong suốt như pha lê như lời tán tụng của Thích Nhất Hạnh mà Song đã trích dẫn trong TET, hành động tự thiêu của Phật giáo không thể nào dự phần vào tình yêu và quyền năng cứu chuộc của Đức Chúa Trời dành cho Việt Nam. Đó là vì nó được làm ngoài **chân lý** cứu chuộc của Ngài. Chúng ta biết được điều này vì Phật giáo chống nghịch với Đức Chúa Trời khi tin và dạy rằng chẳng có linh hồn vĩnh cửu, cũng chẳng có đấng Tối Cao sáng tạo ra muôn loài. Tình yêu của Đức Chúa Trời luôn luôn đi kèm theo chân lý của Ngài. Không một loài thọ tạo nào có thể thay đổi được chân lý này. Loài người phải nhận biết tội lỗi của mình và ăn năn trước ngai Thiên Chúa, trước khi đau khổ bị quét sạch khỏi mặt đất. Tội lỗi và ăn năn là điều mà Giô-na giảng cho thành Ni-ni-ve, là điều mà các tiên tri như Giê-rê-mi, Ê-sai, Ô-sê, v.v., giảng

cho dân Y-sơ-ra-ên. Tội lỗi và ăn năn cũng là điều Giảng Báp-tít giảng để lót đường cho mục vụ của Đức Chúa Jesus. Hai ngàn năm nay các giáo sĩ vẫn giảng điều này cho người chưa tin. Nhưng đây là điều mà Song và Lê không nhắc đến trong tài liệu của họ. Vì vậy toàn bộ các bài đó chỉ nhắc tới "thần học" chứ ít, hay nói đúng hơn, không nhắc tới lẽ đạo của Đức Chúa Trời.

4- Sự lạc đạo của TET:

Nhưng thần học thật sự là gì?

Không cần đi sâu vào nghiên cứu thần học "hội nhập" (danh từ của Lê) và "thần học con mắt thứ ba" (danh từ của Song), đọc giả cũng dễ dàng thấy được sự cố sùỵ cho nỗ lực hòa đồng giữa lẽ đạo của Đức Chúa Trời và truyền thống văn hoá Á Châu. Chúng tôi hiểu được điều này vì dòng chữ được đóng khung trong bài báo sau đây: "**Phúc Âm đến với một dân tộc không phải để tiêu diệt văn hoá của dân tộc đó nhưng là hòa nhập (incarnated) trong đó và làm cho nó hoàn chỉnh.**" [13] Lê Thiện Dũng viết: "*Trong quyển Third-Eye Theology, C. S. Song trình bày một quan điểm về thần học Á châu, lấy các nền văn hoá Á Châu làm khởi điểm (the starting point) cho suy tư thần học*" [13]. Ở đây chúng ta nên dừng lại một chút để xác định ý nghĩa của "thần học". Thần học là một môn học nghiên cứu về Thiên Chúa. Nó có thể dựa vào Thánh Kinh, có thể không. Vì vậy, **thần học không đồng nhất với lẽ đạo của Đức Chúa Trời.** Ngay cả khi dựa vào Thánh Kinh, thần học vẫn có thể sai, do sự hiểu biết hữu hạn của loài người. Tuy nhiên, nếu một người thật lòng dựa vào Thánh Kinh để tìm hiểu Đức Chúa Trời, thì người đó đã đi qua được cánh cửa đầu tiên. Đối với Cơ Đốc nhân chân thật, khởi điểm và nền tảng của thần học phải là Thánh Kinh chứ không phải là một nền văn hóa nào hết.

Chúng ta biết rằng sau sự Sa Ngã, loài người mặc dù sống thể chất, nhưng đã chết thuộc linh. Chết thuộc linh tức là cách ly với Nguồn Sự Sống, chính là Đức Chúa Trời. Để nối lại cái nhau của sự sống cho tạo vật của mình, Đức Chúa Trời nhập thể làm người, chịu ruồng bỏ bởi chính dân của Ngài. "*Nhưng hể ai đã nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời, là ban cho những kẻ tin danh Ngài. Là kẻ chẳng phải sanh bởi khí huyết, hoặc bởi tình dục, hoặc bởi ý người, nhưng sanh bởi Đức Chúa Trời vậy*" (Giăng 1:12-13). Được trở nên con cái Đức Chúa Trời tức là được tái sinh qua quyền phép của sự chết và sự sống lại của Đức Chúa Jesus Christ. Người chưa được tái sinh, không cần biết người đó đang sinh hoạt "thờ phượng Chúa" trong bất kỳ giáo phái Tin Lành hay Cải Chính nào, là người xác thịt. "*Người có tánh xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời; bởi chưng người đó coi sự ấy như là sự đồ dại, và không có thể hiểu được, vì phải xem xét cách thiêng liêng*" (I Cô-rinh-tô 2:14). Một cá nhân xác thịt thì suy tư là xác thịt. Một dân tộc xác thịt thì nếp suy nghĩ, tức là văn hoá theo định nghĩa, là xác thịt. Và "*tâm trí xác thịt là thù địch với Đức Chúa Trời*" (Rô-ma 8:7).

Nói như thế không có nghĩa rằng không có cái gì tốt đẹp cả trong văn hoá của một dân tộc. Chúng ta thấy rằng trong thi ca bình dân của Việt Nam có rất nhiều câu ca dao nói về lẽ thật của Đức Chúa Trời, như Trời là đấng toàn năng, toàn tri, đấng cầm cán cân công lý, đấng tạo hoá, v.v. Những câu ca dao như "*lạy Trời mưa xuống, lấy nước tôi uống...*" hay "*Lưỡi Trời lồng lộng bao la, thưa mà chẳng lọt, chẳng qua mảy nào*" chứng minh cho điều này. Tuy vậy cũng có những câu phạm thượng như sau: "*Con cóc là cậu ông Trời.*" Sau khi Tam giáo tràn sang Việt Nam, nền văn hoá Việt Nam, trên bề mặt mang nhiều nét "phong phú" hơn nhưng căn bản càng thối nát và càng chống nghịch Đức Chúa Trời. Chính Tam giáo là một hỗn hợp bầy nhầy của những mâu thuẫn căn bản và nội tại [18]. Mặc dù vậy, người Việt Nam vẫn cứ tin vào những điều tự mâu thuẫn đó từ thế hệ này qua thế hệ sau mà không bao giờ tự hỏi tại sao. Chúng ta phải hiểu rằng phần "tốt" của văn hoá không phải là sản phẩm công đức của tâm trí "tốt" của con người, vì đối với Đức Chúa Trời "*chẳng có một người công bình nào hết, dẫu một người cũng không, chẳng có một người nào hiểu biết*" (Rô-ma 3:10-11). Những cái "tốt" của văn hoá là những cái gì còn sót

lại của "hình và tượng" của Đức Chúa Trời sau khi loài người sa ngã trong vườn Ê-đen. (Những cái "tốt" này bao gồm sự hy sinh tính mạng của một người cho một người khác mà chúng ta đã có nói ở trên.) Cả một vũ trụ do Đức Chúa Trời dựng nên "đều than thở và chịu khó nhọc cho đến ngày nay" (Rô-ma 8:22) vì tội lỗi. Do đó Đức Chúa Jesus Christ phải chịu chết để hồi phục lại cái "tốt" thuở sáng thế Đức Chúa Trời dựng nên.

Văn hoá của một dân tộc, trong đó có dân tộc Việt Nam là một tập hợp bầy nhầy của cái gì sót lại sau sự Sa Ngã, và những sản phẩm của tâm trí tội lỗi trong đó có các tôn giáo thế gian. Đối với văn hóa, con người có hai thái độ chính: Cơ Đốc nhân nằm vào phần sót lại của "hình và tượng" của Đức Chúa Trời. Họ hay nhắc các câu như "lạy Trời mưa xuống, lấy nước tôi uống..." hay "Lưới Trời lồng lộng bao la, thưa mà chẳng lọt, chẳng qua mây nào" trong khi làm chứng về Chúa cho người chưa tin. Người chưa tin Chúa nhắm vào câu "con cóc là cậu ông Trời" để phản bác sự hiện hữu của Chúa. Câu hỏi là tại sao Cơ Đốc nhân biết phần nào của văn hoá - phần "lạy Trời mưa xuống..." hay phần "con cóc là cậu ông Trời" để nằm? Chúng ta biết rõ phần nào để nằm không phải vì chúng ta sinh ra với một tâm trí "tốt" nhưng vì chúng ta có Kinh Thánh làm tiêu chuẩn để sàng sảy đi những gì xấu và giữ lại những gì tốt đẹp còn sót lại sau sự Sa Ngã. Chúng ta làm điều này không phải vì chúng ta có nhu cầu tôn vinh văn hoá loài người, nhưng chúng ta muốn cho người chưa tin Chúa thấy cái dây gia phả của loài người nối lên tới A-đam, là "con Đức Chúa Trời" (Lu-ca 3:38). Chúng ta làm điều này để gợi lên cho người chưa tin một niềm hoài vọng về một "cổ quốc" đã bị đánh mất vì tội lỗi. Chúng ta không có ý đặt Kinh Thánh ngang hàng với văn hoá loài người lại càng không cố tìm mẫu số chung để dung hoà.

4- Kết luận:

Mặc dù Đức Chúa Trời đã gieo hạt giống trong lương tâm loài người để thúc dục chúng ta tìm về Ngài, chúng ta vẫn cần có mạc khải đặc biệt để hiểu Đức Chúa Trời là ai. Luật pháp của Đức Chúa Trời được chính Ngài khắc trên hai bia đá vẫn chưa đủ, chính Ngài phải nhập thể làm người để bày tỏ cho chúng ta thấy chính Ngài là Đấng Christ, chính Đấng Christ là Đấng Ta Là, Người đã hiện ra cho Môi-se qua đám lửa trong bụi cây. Không có Kinh Thánh chúng ta chỉ biết Đức Chúa Trời chung chung, mờ mịt qua những gì vang vọng lại từ sự Sa Ngã. Những tàn dư này lại bị ô nhiễm bởi tội lỗi. Tội lỗi của nhân loại càng ngày càng tăng chứ không giảm; do đó, "hình và tượng" của Đức Chúa Trời, tức là những gì tốt đẹp về Đức Chúa Trời, trong văn hoá của loài người ngày càng mai một đi. Văn hoá loài người dính liền với loài người. Nhưng Đức Chúa Trời "chẳng tiếc thế gian xưa [trong đó có văn hoá loài người - lời tác giả bài này], trong khi sai nước lụt phạt đời gian ác này chỉ gìn giữ Nô-ê là thầy giảng đạo công bình, với bảy người khác mà thôi" (II Phi-e-rơ 2:5). Và Đức Chúa Jesus sẽ trở lại "...như kẻ trộm. Bấy giờ các tầng trời sẽ có tiếng vang rầm mà qua đi, các thể chất bị đốt mà tiêu tán, **đất cùng mọi công trình trên nó đều sẽ bị đốt cháy cả**" (II Phi-e-rơ 3:10). Chỉ có một phần nhỏ, rất nhỏ của nhân loại là Hội Thánh được cứu như Chúa đã cứu gia đình Nô-ê trước khi trận "Lụt" lửa này hoành hành. Đó là án phạt của loài người tội lỗi và hoa quả của nó là văn hoá mà Song và Lê muốn bảo tồn.

Khởi điểm và nền tảng của thần học phải là Thánh Kinh. Chung điểm của nó chính là Đấng Christ. Kinh thánh là tiêu chuẩn để chúng ta phán xét thế gian và văn hoá của nó. Tìm hiểu Đức Chúa Trời bằng văn hoá loài người là công việc của người xác thịt; và con người xác thịt không thể hiểu được công việc của Thiên Đàng. Nền văn minh cũ của loài người sẽ bị đốt cháy thành tro bụi và qua đi. Loài người phải ăn năn tội, đầu phục Đức Chúa Trời, tiếp nhận ơn tha thứ của Ngài để được sống lại và sống đời đời trong "trời mới và đất mới." Người ta sống nhờ mọi lời phán ra từ miệng của Đức Chúa Trời.

Lê Anh Huy

Ngày 08, tháng 11, năm 2006

Chú thích:

- 1- Choan-Seng Song, *Third Eye Theology, Revised revision*, Orbis Books, Maryknoll, NY 10545, p. xiv (1979).
- 2- Song, trang 26
- 3- Song, trang 27
- 4- Song, trang 3
- 5- Song, trang 4
- 6- Song, trang 5
- 7- Song, trang 9
- 8- Song, trang 12
- 9- Song, trang 29
- 10- Song, trang 133
- 11- Song, trang 139
- 12- Song, trang 140
- 13- Lê Thiện Dũng, "C. S. Song & Thần Học Hội Nhập," *Báo Phục Vụ*, Viện Thần Học Tin Lành Việt Nam, Số 125, Tháng Tám (2006)
- 14- Song, trang 141
- 15- Hoa sen (tiếng Phạn: padma; tiếng Nhật: renga) trong Phật giáo là biểu tượng của sự thuần khiết và sinh hóa hồn nhiên (svayambhu). Theo kinh Lalitavistara, phần tâm linh của con người thì vô nhiễm, giống như hoa sen mọc trong bùn mà không bị hôi tanh bởi bùn. Còn theo Phật giáo Mật tông thì trái tim con người giống như đóa sen hàm tiếu, khi Phật tính phát triển bên trong thì đóa sen sẽ nở. Đây chính là ý nghĩa của việc Phật ngồi trên tòa sen. Trong Phật giáo Tantra, đóa sen biểu thị cơ quan sinh dục nữ và đó chính là nguyên lý âm trong vũ trụ. Trong thai tạng giới Mạn-đà-la, đóa sen trắng ở trung tâm Mạn-đà-la, biểu thị tử cung (Thai tạng) của thế giới. Các đóa hoa sen có màu khác nhau biểu thị những liên kết khác nhau. Hoa sen có mặt trong các công trình Phật giáo như cây hoa sen thực trong các hồ ở chùa, có mặt ở các tòa sen của các vị chư Phật, chư thần. Trên các bức tranh lụa Phật giáo cũng có hình tượng hoa sen như trong tranh lụa Tây Tạng có dấu chân của Thanh-đà-la trên hoa sen. Trong các tranh ảnh về cảnh Cực lạc Phật giáo, người ta tin rằng, những linh hồn kém đức hạnh thì được tái sinh vào những đóa sen còn khép và phải đợi cho đến khi hoa nở mới nhận được sự giúp đỡ của A-di-đà. (<http://vi.wikipedia.org>).
- 16- Lê Anh Huy, "Vô Ngã," http://hoptinhhoply.org/read.asp?Article_ID=207
- 17- Nguyễn Huệ Nhật, *Ai Chết Cho Ai, Ai Sống Cho Ai*, mucusu.net, trang 54-73 (2001)
- 18- Lê Anh Huy và Huỳnh Christian Timothy, "Tam giáo: Hòa nhi bất đồng," http://hoptinhhoply.org/read.asp?Article_ID=245

Ngữ vựng:

- a- Thiền sư: Zen Master
- b- Nguồn thần học bản sinh: Indigenous theological resource
- c- Thời cứu chuộc, sự cố cứu chuộc, yếu tố cứu chuộc: Redemptive moments, redemptive events, redemptive elements